

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)



Trụ sở chính:

Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.

Tel : (84.4) 3824 1990 / 1

Fax: (84.4) 3825 3973

E-mail: aaschn@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh tại TP. HCM:

Số 27 đường Lam Sơn - Phường 2

Quận Tân Bình - TP. HCM

Tel : (84.8) 3848 5983 - 3848 5776

Fax: (84.8) 3547 1838

VPĐD tại Quảng Ninh:

Cột 2, đường Nguyễn Văn Cừ

TP. Hạ Long - Quảng Ninh

Tel : (84.33) 3627571

Fax: (84.33) 3627572

E-mail: aascqn@aasc.com.vn

AFFILIATE
IMPACT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-22
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 30 đường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hà	Ủy viên
Ông Đoàn Danh Hưng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Quyền Tổng Giám đốc
Bà Ngô Hà Chi	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Hồng Thắng	Giám đốc tư vấn tài chính

Miễn nhiệm ngày 31/08/2010

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thu Hương	Trưởng ban
-----------------------	------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2011



Nguyễn Trọng Tuấn



3 8
ÔN
Ô
KHC
ÀN
RƯ



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số: 306 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia được lập ngày 08 tháng 03 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Tổng Giám đốc



Ngô Đức Đoàn

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ.0052/KTV

Kiểm toán viên

Trần Quang Mậu

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		192.315.979.859	176.981.748.865
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	92.579.058.357	61.617.958.628
111	1. Tiền		92.579.058.357	61.617.958.628
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	372.364.800	1.104.025.719
121	1. Đầu tư ngắn hạn		855.487.680	1.417.467.124
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(483.122.880)	(313.441.405)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		97.814.190.659	114.168.139.518
131	1. Phải thu của khách hàng		36.000.000	10.575.000
132	2. Trả trước cho người bán		929.731.000	977.212.567
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	96.848.459.659	113.180.351.951
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.550.366.043	91.625.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		67.541.250	48.000.000
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		1.458.324.793	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		24.500.000	43.625.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.069.235.471	31.733.777.835
220	II. Tài sản cố định	7	2.748.443.284	3.767.023.947
221	1. Tài sản cố định hữu hình		2.080.096.361	3.076.247.935
222	- Nguyên giá		6.022.386.943	4.777.597.971
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.942.290.582)	(1.701.350.036)
227	3. Tài sản cố định vô hình		668.346.923	690.776.012
228	- Nguyên giá		1.599.201.420	1.119.053.420
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(930.854.497)	(428.277.408)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	4.768.569.496	3.198.515.951
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		1.768.569.496	198.515.951
258	4. Đầu tư dài hạn khác		3.000.000.000	3.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		26.552.222.691	24.768.237.937
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	469.261.843	685.277.089
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	10	2.463.548.348	463.548.348
268	4. Tài sản dài hạn khác		23.619.412.500	23.619.412.500
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		226.385.215.330	208.715.526.700

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		73.933.935.853	62.632.005.331
310	I. Nợ ngắn hạn		73.933.935.853	62.632.005.331
312	2. Phải trả người bán		-	103.977.529
313	3. Người mua trả tiền trước		69.800.000	145.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	954.578.687	1.914.010.960
316	6. Chi phí phải trả	13	1.025.792.114	758.805.770
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	70.096.606.152	59.030.806.452
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		1.706.345.000	679.404.620
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		80.813.900	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		152.451.279.477	146.083.521.369
410	I. Vốn chủ sở hữu		152.451.279.477	146.083.521.369
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	135.000.000.000	135.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.451.279.477	11.083.521.369
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		226.385.215.330	208.715.526.700

53 - CT
TV
HỮU HẠN
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		404.396.320.000	218.861.940.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		347.700.220.000	211.020.600.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		173.900.000	315.320.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		347.503.320.000	210.687.780.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		23.000.000	17.500.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		14.835.500.000	7.841.340.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		200.000.000	-
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		14.635.500.000	7.841.340.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		41.860.600.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		41.860.600.000	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		17.473.400.000	-
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		13.312.510.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		13.312.510.000	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		4.153.890.000	-
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		4.153.890.000	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		7.000.000	-
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		7.000.000	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		1.488.000.000	-

Người lập

nh

Đinh Thị Thanh Thảo

Giám đốc tài chính

me

Ngô Hà Chi



Nguyễn Trọng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu	16	46.741.825.832	59.890.232.963
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		26.825.345.297	45.702.777.260
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		400.979.501	573.044.923
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		694.909.087	496.182.635
01.9	Doanh thu khác		18.820.591.947	13.118.228.145
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		46.741.825.832	59.890.232.963
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	30.569.805.842	47.747.550.106
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		16.172.019.990	12.142.682.857
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	7.699.775.367	4.383.809.066
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.472.244.623	7.758.873.791
31	8. Thu nhập khác		2.594.440	181.401
32	9. Chi phí khác		1.108.664	171.522.331
40	10. Lợi nhuận khác		1.485.776	(171.340.930)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.473.730.399	7.587.532.861
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	2.105.972.291	1.349.624.433
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.367.758.108</u>	<u>6.237.908.428</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	472	462

Người lập

Đinh Thị Thanh Thảo

Giám đốc tài chính

Ngô Hà Chi

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2011

Q. Tổng Giám đốc

Nguyễn Trọng Tuấn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2010

Thuyết minh	Đầu năm		Tăng		Giảm		Cuối năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa PP	11.083.521.369	4.845.612.941	6.367.758.108	6.237.908.428	-	-	17.451.279.477	11.083.521.369
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	146.083.521.369	139.845.612.941	6.367.758.108	6.237.908.428	-	-	152.451.279.477	146.083.521.369

Người lập

(Signature)

Đinh Thị Thanh Thảo

Giám đốc tài chính

(Signature)

Ngô Hà Chi



Nguyễn Trọng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.473.730.399	7.587.532.861
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		2.755.413.992	1.051.457.017
03	Các khoản dự phòng		169.681.475	(2.763.520.054)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(18.871.541.847)	(1.862.497.918)
06	Chi phí lãi vay		-	1.402.034.515
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(7.472.715.981)	5.415.006.421
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		16.565.094.785	(86.666.565.635)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại		(1.008.074.101)	53.638.796.113
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		12.651.554.955	30.739.975.158
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		196.473.996	27.031.149
13	Tiền lãi vay đã trả		-	(1.402.034.515)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.913.921.517)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		100.000.000	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.100.000.000)	(23.645.708.001)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		14.018.412.137	(21.893.499.310)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.928.854.255)	(1.221.459.501)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	27.666.500.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.871.541.847	1.862.497.918
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.942.687.592	28.307.538.417
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	468.325.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(468.325.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		30.961.099.729	6.414.039.107
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		61.617.958.628	55.203.919.521
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	92.579.058.357	61.617.958.628

Người lập

nh

Đinh Thị Thanh Thảo

Giám đốc tài chính

me

Ngô Hà Chi

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2011

Q. Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tuấn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia thành lập và hoạt động theo theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 30 đường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi năm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

100 - CT
Y
DU HAN
V V
E TOAN
TOAN
1 - TP. HA
9
ÔNG
Ổ PH
HOÁI
ING
ỨNG

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong năm 2010, Công ty đã thay đổi mức khấu hao của một số tài sản cố định hữu hình và vô hình làm cho tổng chi phí khấu hao năm 2010 tăng thêm là 1.491.431.786 đồng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	04-07	năm
- Phần mềm quản lý, kế toán	04-05	năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31/12/2010.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2010 đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên và không có được thông tin tình hình tài chính và giá trị sổ sách của các tổ chức phát hành thì sẽ không được trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2010.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

3 - CH
TƯ
HỮU S
VU T
CHÍNH K
VÀ K
HOÀN

15
T
N
DU
GI
T

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	2.125.242	52.204.231.844
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	2.125.242	52.204.231.844
Của người đầu tư	503.866.811	14.689.662.669.000
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	503.866.811	14.689.662.669.000
- Trái phiếu		
	505.992.053	14.741.866.900.844

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt tại quỹ	926.607.760	1.054.895.855
Tiền gửi ngân hàng	19.634.934.651	702.416.724
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (*)	70.305.376.419	59.177.874.454
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	1.712.139.527	682.771.595
	92.579.058.357	61.617.958.628

(*) Khoản tiền gửi của nhà đầu tư vào tài khoản của Công ty tại các ngân hàng để phục vụ cho việc mua bán chứng khoán và thanh toán bù trừ mua bán chứng khoán của nhà đầu tư.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chứng khoán thương mại	855.487.680	1.417.467.124
- Chứng khoán niêm yết	855.487.680	1.417.467.124
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(483.122.880)	(313.441.405)
- Chứng khoán niêm yết	(483.122.880)	(313.441.405)
	372.364.800	1.104.025.719

6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu lãi hợp tác kinh doanh	907.517.350	375.262.083
Phải thu tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	76.388.500.000	90.975.000.000
Phí giao dịch phải thu nhà đầu tư	99.583.621	276.182.133
Phải thu NĐT ứng trước tiền bán CK	19.452.858.688	21.553.907.735
	96.848.459.659	113.180.351.951

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Thiết bị dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ vô hình (Phần mềm GD, KT)	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	4.287.323.971	490.274.000	1.119.053.420	5.896.651.391
Số tăng trong năm	292.366.255	1.133.460.000	503.028.000	1.928.854.255
- Mua sắm mới	292.366.255	1.133.460.000	503.028.000	1.928.854.255
Số giảm trong năm	(181.037.283)	-	(22.880.000)	(203.917.283)
- Giảm khác (phân loại lại)	(181.037.283)		(22.880.000)	(203.917.283)
Số dư cuối năm	4.398.652.943	1.623.734.000	1.599.201.420	7.621.588.363
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.517.497.265	183.852.771	428.277.408	2.129.627.444
Số tăng trong năm	2.122.814.563	128.939.843	503.659.586	2.755.413.992
- Trích khấu hao	2.122.814.563	128.939.843	503.659.586	2.755.413.992
Số giảm trong năm	(10.813.860)	-	(1.082.497)	(11.896.357)
- Giảm khác (phân loại lại)	(10.813.860)		(1.082.497)	(11.896.357)
Số dư cuối năm	3.629.497.968	312.792.614	930.854.497	4.873.145.079
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Đầu năm	2.769.826.706	306.421.229	690.776.012	3.767.023.947
Cuối năm	769.154.975	1.310.941.386	668.346.923	2.748.443.284

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chi tiêu	Giá trị (VND)	
135.000.000.000	Nguyên giá	7.621.588.363	0,06
	Khấu hao	(4.873.145.079)	
	Giá trị còn lại	2.748.443.284	0,02

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	1.768.569.496	198.515.951
- Chứng khoán niêm yết	280.569.496	36.515.951
- Chứng khoán chưa niêm yết	1.488.000.000	162.000.000
Đầu tư dài hạn khác	3.000.000.000	3.000.000.000
- Góp vốn vào Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên	3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-
	4.768.569.496	3.198.515.951

(*) Tại ngày 31/12/2010, Công ty đã thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn chưa niêm yết và đầu tư dài hạn khác không được Công ty trích lập do Công ty dự kiến không có tổn thất tài chính tại ngày 31/12/2010.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng	153.813.745	414.712.428
Chi phí trước hoạt động phân bổ	-	129.209.356
Chi phí trả trước dài hạn khác	315.448.098	141.355.305
	469.261.843	685.277.089

10 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	463.548.348	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.952.242.618	336.223.885
Tiền lãi phân bổ trong năm	47.757.382	7.324.463
Số cuối năm	2.463.548.348	463.548.348

11 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng 30 Nguyễn Du, Hà Nội	182.475.000	182.475.000
Tiền đặt cọc thuê văn phòng 83A Lý Thường Kiệt, Hà Nội (*)	23.436.937.500	23.436.937.500
Số cuối năm	23.619.412.500	23.619.412.500

(*) Theo hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền, để đảm bảo việc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia sẽ ký hợp đồng thuê văn phòng dài hạn khi dự án đầu tư xây dựng mới tòa nhà văn phòng cho thuê tại số 83A Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội hoàn thành thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia phải thực hiện nộp một khoản tiền đặt cọc đảm bảo với tổng giá trị tương đương 45% tổng giá trị tiền thuê văn phòng tạm tính. Tại thời điểm 31/12/2010, dự án trên chưa hoàn thành để đưa vào sử dụng.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	75.380.488	556.024.862
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.349.624.433
Thuế Thu nhập cá nhân	879.198.199	8.361.665
	954.578.687	1.914.010.960

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện và thông tin liên lạc	99.000.000	84.249.965
Trích trước chi phí lương thưởng cuối năm	316.454.876	360.000.000
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	566.337.238	314.555.805
Chi phí phải trả khác	44.000.000	-
	1.025.792.114	758.805.770

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.531.365	878.035
Phải trả về giao dịch chứng khoán của NĐT	70.092.074.787	59.029.928.417
	70.096.606.152	59.030.806.452

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	135.000.000.000	135.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

b) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.500.000	13.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	46.741.825.832	59.890.232.963
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	26.825.345.297	45.702.777.260
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	400.979.501	573.044.923
- Doanh thu hoạt động tư vấn	694.909.087	496.182.635
- Doanh thu khác	18.820.591.947	13.118.228.145
	46.741.825.832	59.890.232.963

17 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	5.584.520.343	7.650.645.315
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	14.215.278.450	34.119.756.058
Chi phí hoạt động tư vấn	78.608.000	158.354.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	193.360.356	120.521.992
Chi phí dự phòng	169.681.475	(2.763.520.054)
Chi phí khác	73.786.167	1.402.236.182
Chi phí trực tiếp chung	10.254.571.051	7.059.556.613
- <i>Chi phí nhân viên</i>	2.924.909.127	2.739.452.374
- <i>Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ</i>	626.189.793	492.208.308
- <i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	966.043.681	407.060.526
- <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	5.350.841.004	1.289.744.983
- <i>Chi phí khác bằng tiền</i>	386.587.446	2.131.090.422
	30.569.805.842	47.747.550.106

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.872.043.390	1.787.020.186
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	581.502.427	486.549.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.789.370.311	644.396.491
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.123.551.186	569.818.180
Chi phí khác bằng tiền	330.308.053	893.024.877
	7.699.775.367	4.383.809.066

19 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.473.730.399	7.587.532.861
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(49.841.236)	124.606.757
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.108.664	171.522.331
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(50.949.900)	(46.915.574)
Tổng thu nhập chịu thuế	8.423.889.163	7.712.139.618
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	8.423.889.163	7.712.139.618
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.105.972.291	1.928.034.905
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(578.410.472)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.105.972.291	1.349.624.433

20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	6.367.758.108	6.237.908.428
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.367.758.108	6.237.908.428
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	472	462

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

21

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán.

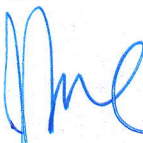
	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ			
Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10	53.638.796.113	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh CK	20	(21.893.499.310)	(75.532.295.423)
Tiền chi mua chứng khoán	25	-	(49.709.787.292)
Tiền thu hồi bán lại chứng khoán	26	-	103.348.583.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	28.307.538.417	81.946.334.530

Người lập



Đinh Thị Thanh Thảo

Giám đốc tài chính



Ngô Hà Chi



Nguyễn Trọng Tuấn